

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp Tỉnh

I. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp

- Trình tự thực hiện

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp.

- Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc gửi qua đường bưu chính về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

- Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ doanh nghiệp; số giấy phép kinh doanh; lý do; số lượng, chủng loại, nước sản xuất; cửa khẩu; phương tiện, thời gian vận chuyển; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Mẫu số 01 Nghị quyết số 66.18/2026/TT-BCT;

+ Bản sao hợp đồng mua bán vật liệu nổ công nghiệp với doanh nghiệp nước ngoài; hợp đồng mua bán vật liệu nổ công nghiệp với doanh nghiệp trong nước.

- Số lượng hồ sơ: 01 bản

- Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/TT-BCT.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Doanh nghiệp được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp thì được xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp;

+ Chỉ được xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp khi có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công Thương cấp;

+ Việc ủy thác nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp chỉ được thực hiện giữa tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, doanh nghiệp được phép kinh doanh hoặc tổ chức, doanh nghiệp được phép sử dụng với doanh nghiệp được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15.

+ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

+ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép⁽³⁾.....

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp:.....

Nơi đặt trụ sở chính (*xã (phường), tỉnh (thành phố)*):

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của...

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:,.....

Số giấy phép kinh doanh (*áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ*):

Lý do đề nghị cấp:

TT	Tên⁽⁴⁾...	Đơn vị tính	Nước sản xuất	Số lượng	Số lượng
1					
2					
...					

Cửa khẩu; phương tiện, thời gian vận chuyển:

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

.....

Đề nghị⁽⁶⁾..... xem xét và cấp giấy phép⁽³⁾..... cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

.....⁽⁵⁾.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép;
- (3) Loại hình cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (4) Tên vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT.
- (5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (6) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

II. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu

2. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh

- Trình tự thực hiện:

+ Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo quy định đến cơ quan cấp phép.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định hoặc cần bổ sung tài liệu giải trình, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp không cấp phép, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia

- Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ Hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo Mẫu số 03 Mục 4 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết 66.18/NQ-CP: 01 bản chính.

+ Tài liệu thuyết minh về kế hoạch sử dụng, quy trình quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình sử dụng.

+ Phương án xử lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sau khi sử dụng: 01 bản chính.

+ Báo cáo tình hình thực hiện các giấy phép đã được cấp trước đó (nếu có): 01 bản chính.

Trường hợp nộp trực tuyến, thương nhân nộp bản sao điện tử của các tài liệu được yêu cầu.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền

- Phí, lệ phí (nếu có): Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

- Căn cứ pháp lý của Thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý ngoại thương;

+ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

+ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

6. Thời gian dự kiến lưu tại nước ngoài (đối với hàng hóa xuất khẩu)/ hoặc lưu tại Việt Nam (đối với hàng hóa nhập khẩu).

7. Các tài liệu kèm theo:

[Thương nhân] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này và cam kết thực hiện tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

3. Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài đến cơ quan cấp phép.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép cho phép thương nhân. Trường hợp không cấp phép, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ Hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài theo Mẫu số 04 Mục 4 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết 66.18/NQ-CP: 01 bản chính;

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp nộp trực tuyến, thương nhân nộp bản sao điện tử của các tài liệu được yêu cầu.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không
- **Căn cứ pháp lý của Thủ tục hành chính:**
 - + Luật Quản lý ngoại thương;
 - + Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
 - + Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Đơn đề nghị cấp Giấy phép gia công hàng hóa

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép gia công hàng hóa

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

- Tên doanh nghiệp:
- Mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Địa chỉ trang web (nếu có):

- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

E-mail:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Địa điểm sản xuất:

.....

Số xưởng sản xuất: ... Số chuyên sản xuất: ...

Số lượng lao động:

.....

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] xem xét cấp Giấy phép gia công hàng hóa, với các thông tin cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của các bên ký hợp đồng và bên gia công trực tiếp.
2. Tên, số lượng sản phẩm gia công.
3. Giá gia công.
4. Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán.
5. Danh mục, số lượng, trị giá nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu và nguyên liệu, phụ liệu, vật tư sản xuất trong nước (nếu có) để gia công; định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư; định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu trong gia công.
6. Danh mục và trị giá máy móc, thiết bị cho thuê, cho mượn hoặc tặng cho để phục vụ gia công (nếu có).
7. Biện pháp xử lý phế liệu, phế thải, phế phẩm và nguyên tắc xử lý máy móc, thiết bị thuê, mượn, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công.
8. Địa điểm và thời gian giao hàng.
9. Nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa.
10. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

[Thương nhân] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và pháp luật có liên quan./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

4. Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác

- Trình tự thực hiện:

+ Thương nhân có nhu cầu tạm nhập, tái xuất hàng hóa chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam gửi 1 bộ hồ sơ theo quy định đến cơ quan cấp phép.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

+ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền quản lý hàng hóa đó, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép cho thương nhân.

+ Trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy phép; cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép, thương nhân gửi văn bản đề nghị và các giấy tờ liên quan đến cơ quan cấp phép. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép xem xét điều chỉnh, cấp lại Giấy phép cho thương nhân

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng)

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ Hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác theo Mẫu 2 Phụ lục IV quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BCT quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 38/2025/TT-BCT: 01 bản chính;

+ Hợp đồng, thỏa thuận thuê, mượn: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân

- **Thời hạn giải quyết:** 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân tạm nhập, tái xuất hàng hóa chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của Thủ tục hành chính**

- + Luật Quản lý ngoại thương;
- + Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
- + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
- + Thông tư số 12/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương
- + Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép đối với trường hợp tạm nhập, tái xuất hàng hóa theo hình thức khác

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

- Tên thương nhân:

.....

- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... Số fax: ...

- Địa chỉ website (nếu
 có):

.....

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Thương nhân) xin tạm nhập, tái xuất:

STT	Mặt hàng	Mã HS (8 số)	Số lượng	Trị giá (USD)

- Mục đích tạm nhập, tái xuất:

.....

- Công ty nước ngoài cho thuê/ mượn:

.....
- Theo hợp đồng/thỏa thuận số ... ngày ... tháng ... năm ...

- Cửa khẩu nhập hàng:

.....
- Cửa khẩu xuất hàng:

.....
(Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

5. Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập

- Trình tự thực hiện:

+ Thương nhân có nhu cầu tạm xuất, tái nhập hàng hóa thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu gửi 1 bộ hồ sơ theo quy định đến cơ quan cấp phép.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

+ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép cho thương nhân.

+ Trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy phép; cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép, thương nhân gửi văn bản đề nghị và các giấy tờ liên quan đến cơ quan cấp phép. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép xem xét điều chỉnh, cấp lại Giấy phép cho thương nhân.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng)

- Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ Hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập, theo mẫu 3 Phụ lục IV quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BCT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 38/2025/TT-BCT: 01 bản chính hoặc 01 bản sao điện tử trong trường hợp nộp trực tuyến;

+ Hợp đồng, thỏa thuận sửa chữa, bảo hành hoặc hợp đồng, thỏa thuận cho thuê, mượn hàng hóa: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm

...

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Thương nhân) xin tạm xuất, tái nhập:

STT	Mặt hàng	Mã HS (8 số)	Số lượng	Trị giá (USD)

- Mục đích tạm xuất, tái nhập:

.....
- Hợp đồng sửa chữa, bảo hành/ Hợp đồng cho thuê, mượn số ... ngày ... tháng ... năm ...

- Cửa khẩu xuất hàng:

.....
.....
.....

- Cửa khẩu nhập hàng:

.....
.....
.....

(Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm xuất, tái nhập hàng hóa./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

6. Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh

- Trình tự thực hiện:

+ Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo để chủ hàng yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ.

+ Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời cho phép hay không cho phép gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa. Trường hợp không cho phép, cơ quan cấp phép có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ Hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của chủ hàng: 01 (một) bản chính.

+ Giấy phép quá cảnh hàng hóa đã được cấp: 01 (một) bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng).

+ Văn bản xác nhận của cơ quan Hải quan về tình trạng lô hàng quá cảnh: 01 (một) bản chính.

+ Tờ khai Hải quan của lô hàng quá cảnh: 01 (một) bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng).

Trường hợp nộp trực tuyến, thương nhân nộp bản sao điện tử của các tài liệu được yêu cầu.

- **Thời hạn giải quyết:** 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ hàng

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản trả lời chủ hàng

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Đơn đề nghị gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của Thủ tục hành chính**

+ Luật Quản lý ngoại thương;

+ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

+ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

+ Nghị quyết số 66.18/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Đơn đề nghị gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa

TÊN CHỦ HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

Tên chủ hàng:

- Địa chỉ:

- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

E-mail:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Đề nghị [cơ quan cấp phép] cho phép gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Giấy phép quá cảnh hàng hóa số do [cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20...

2. Tờ khai hải quan số ngày ... tháng ... năm 20...

3. Văn bản xác nhận của cơ quan Hải quan số ngày ... tháng ... năm 20...

4. Chi tiết lô hàng quá cảnh:

TT	Tên hàng	Mã HS	Số lượng /ĐVT	Trị giá	Tờ khai hải quan (số, ngày)	Cửa khẩu nhập hàng

5. Lý do đề nghị gia hạn thời gian quá cảnh tại Việt Nam:

6. Thời gian đề nghị gia hạn:

(Từ ngày ... tháng ... năm 20... đến ngày ... tháng ... năm 20...)

7. Địa chỉ nhận văn bản trả lời (của chủ hàng):

8. Các tài liệu kèm theo (nếu có)

Người đại diện theo pháp luật của chủ hàng

Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)